TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-PT
Ngày 15 tháng 11 năm 2024
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Minh Phượng và ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: ông Trần Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2024/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung". Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 215/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 16/2024/TB-TA ngày 16/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐ-PT ngày 25/10/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thu Á, sinh năm 1992

Địa chỉ: số E, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà Á ủy quyền về phần tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung cho ông Trần Vũ Thanh T, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1996 và ông Huỳnh N sinh năm 1997 (theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phan Nguyễn Hoa T1 - Thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. Địa chỉ: A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: ông Mã Hữu C, sinh năm 1986

Địa chỉ: số F, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đặng Văn K - Văn phòng luật sư Đặng Văn K thuộc Đoàn luật sư tỉnh A.

Địa chỉ: số B tổ F, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Kim T2, sinh năm 1967; cư trú: số F, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà Á, ông N, Luật sư K; ông C, bà T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu Á trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Á và ông C tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân; có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường M (giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn ngày 22/10/2019) và đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống bên nhà của cha mẹ chồng, gồm có bà ngoại chồng già yếu, bị lẫn và nhiều bệnh còn cha chồng bị tâm thần. Khi về gia đình chồng, bà đã bỏ hết công việc làm ăn của mình thời con gái là cho thuê áo cưới, để toàn tâm, toàn ý lo cho gia đình chồng và con nhỏ. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do mẹ chồng quá khó khăn, thường xuyên chửi mắng bà, tìm mọi cách đổ lỗi cho bà những chuyện vặt vãnh trong nhà và đến ngày 29/7/2023 bà bị cả gia đình chồng đuổi ra khỏi nhà. Giữa bà và ông C, không có mâu thuẫn lớn. Tuy nhiên, bà nhận thấy bà không thể tiếp tục sống chung với gia đình chồng nên bà muốn được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông C có 01 con chung tên Mã Hoàng Y sinh ngày 28/5/2020. Bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Lý do yêu cầu nuôi con là Y sống chung với vợ chồng bà từ nhỏ, được bà trực tiếp chăm sóc. Từ khi ly thân đến nay, bà chỉ thăm con ở trường học là Trường mầm non B1 mà thôi. Đồng thời bà có điều kiện kinh tế để nuôi con hơn ông C. Do đó, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định, rút lại yêu cầu chia tài sản là xe ben biển số 68C – 067 và xe ben biển số 64C – 00214, lý do những xe này không phải đứng tên ông C nên bà không chứng minh được là tài sản của vợ chồng. Đối với tài sản còn lại là tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 442, thuộc tờ bản đồ số 73, diện tích 65m2, loại đất ở đô thị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 901226, số vào sổ CT26822 ngày 30/5/2023 do Sở T3 cấp cho Công ty CP Đ (chỉnh lý biến động ngày 21/6/2023 chuyển nhượng cho ông Mã Hữu C và bà Nguyễn Thị Thu Á). Đồng ý để ông C được trọn quyền sử dụng đất, yêu cầu ông C thanh toán lại giá trị là 403.357.500 đồng.

- 01 (một) xe ôtô biển số 67A – 195.15, nhãn hiệu Huyndai, số loại Grand I10, số máy G4LAMM057547, số khung RLUB351CBNN006811, màu sơn trắng, đã đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67007988 ngày 25/02/2022 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp mang tên Mã Hữu C. Xe này phục vụ việc đi lại cho cả gia đình bên chồng, mua từ nguồn tiền cho mẹ chồng thuê các xe tải 67C-148.77. Hiện nay, xa 67A-195.15 do ông C đang quản lý sử dụng. Nay, yêu cầu được trọn quyền sở hữu và đồng ý thanh toán cho ông C lại giá trị với số tiền là 178.524.333 đồng.

- 01 xe ôtô biển số 67C – 148.77, nhãn hiệu Thaco, số loại Ollon450A-, số máy YZ4105ZLQB410017613, số khung RNHA1000BEC041790, màu sơn xanh, đã đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67010424 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 19/5/2022 mang tên Mã Hữu C. Nguồn tiền mua xe là do bà bán vàng cưới, bán được bao nhiêu hay bán món gì thì bà không nhớ rõ. Xe này mua về để chở hàng thuê cho mẹ chồng, mỗi tháng được 20.000.000 đồng. Đồng ý để ông C được trọn quyền sở hữu, yêu cầu ông C thanh toán lại giá trị là 76.687.083 đồng.

- 01 xe gắn máy biển số 67B2 – 592.57, nhãn hiệu Honda, số loại Supper, số máy JA27E0065874, số khung 2705DY159753, màu sơn đỏ, đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 145635 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 24/11/2020 mang tên Mã Hữu C. Mua từ nguồn tiền cho thuê xe tải trên. Bà đang quản lý sử dụng. Bà yêu cầu được trọn quyền sở hữu, đồng ý thanh toán cho ông C giá trị với số tiền là 9.268.960 đồng.

- 01 xe gắn máy biển số 67B2 – 419.10, nhãn hiệu Honda, số loại Vario, số máy KF41E1590674, số khung 4111KK590250, màu sơn trắng đen theo giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 119257 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 11/9/2019 mang tên Nguyễn Thị Thu Á. Bà đang quản lý xe. Xe mua từ nguồn tiền của bà cho thuê áo cưới mỗi tháng thu nhập khoảng 30.000.000 đồng. Bà yêu cầu được trọn quyền sở hữu và thanh toán lại ông C 14.286.440 đồng.

Về nợ chung: Không có nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T2.

** Theo tờ tự khai, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Mã Hữu C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Á tiến đến hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như bà Á trình bày. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng ông. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống với cha mẹ của ông. Nhà ông có thuê người giúp việc riêng để làm việc nhà. Mâu thuẫn vợ chồng ông chủ yếu là do bà Á có những hành vi không bình thường đối với các thành viên trong gia đình, cụ thể hay lấy đồ, điện thoại của em gái ông và Á có viết giấy không tái phạm nhưng 03 ngày sau thì lại cho bà ngoại của ông uống thuốc không rõ nguồn gốc làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bà ngoại. Ngày 21/7/2023, Á viết giấy xin lỗi nhưng sau đó đến ngày 29/7/2023, gia đình ông có mời gia đình bà Á xuống để trình bày sự việc và gửi Á về, không đuổi xô như bà Á đã

trình bày. Nay, Á gửi đơn yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý do mâu thuẫn giữa các bên không thể hòa giải, ông không muốn tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Mã Hoàng Y sinh ngày 28/5/2020. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung do từ nhỏ đã sống ổn định trong căn nhà này. Quá trình bà Á còn sống chung, gia đình ông có thuê người giúp việc để hỗ trợ Á nuôi con. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông thừa nhận tài sản chung của vợ chồng là:

- Thửa đất số 442, thuộc tờ bản đồ số 73, diện tích 65m2, loại đất ở đô thị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT26822 ngày 30/5/2023 do Sở T3 cấp cho Công ty CP Đ (được chỉnh lý trang 4 trên Giấy chứng nhận, nội dung chuyển nhượng cho ông Mã Hữu C và bà Nguyễn Thị Thu Á do Văn phòng Đ1 – chi nhánh L xác nhận ngày 21/6/2023). Ông đồng ý để bà Á được trọn quyền sử dụng và yêu cầu nhận đúng giá trị theo giá của Chứng thư thẩm định.

Tài sản này, ông mượn của mẹ 500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng.

- 01 (một) xe ôtô biển số 67A – 195.15, nhãn hiệu Huyndai, số loại Grand I10, số máy G4LAMM057547, số khung RLUB351CBNN006811, màu sơn trắng, đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67007988 ngày 25/02/2022 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp mang tên Mã Hữu C. Xe này mua về để phục vụ việc đi lại cho bé Y chích ngừa và cho thuê để có tiền trả góp ngân hàng. Xe mua với giá 464.350.000 đồng. Xe này, ông đang quản lý. Ông đồng ý để bà Á được trọn quyền sử dụng và yêu cầu nhận đúng giá trị theo giá của Chứng thư thẩm định.

Nguồn tiền mua xe là mượn của mẹ để trả trước là 215.000.000 đồng, sau đó vay VIB 215.000.000 đồng. Vay tiền của V trả được 01 năm thì sau đó mượn của mẹ ông là 180.000.000 đồng để tất toán. Ông là người tất toán hợp đồng này.

- 01 xe gắn máy biển số 67B2 – 592.57, nhãn hiệu Honda, số loại Supper, số máy JA27E0065874, số khung 2705DY159753, màu sơn đỏ, đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 145635 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 24/11/2020 mang tên Mã Hữu C. Ông đồng ý với yêu cầu của bà Á.

- 01 xe gắn máy biển số 67B2 – 419.10, nhãn hiệu Honda, số loại Vario, số máy KF41E1590674, số khung 4111KK590250, màu sơn trắng đen theo giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 119257 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 11/9/2019 mang tên Nguyễn Thị Thu Á. Ông thống nhất với ý kiến của bà Á.

Đối với xe 01 xe ôtô biển số 67C – 148.77 (nhãn hiệu Thaco, số loại Ollon450A-, số máy YZ4105ZLQB410017613, số khung RNHA1000BEC041790, màu sơn xanh, đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67010424 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 19/5/2022 mang tên Mã Hữu C) đây không phải là tài sản chung do xe này mẹ ông mua ngày 28/3/2019 để phục vụ cho việc kinh doanh của gia đình. Xe này có biển số cũ là 51C – 558.66, do năm 2022 mới sang tên chính chủ cho phù hợp nên mẹ ông mới để ông đứng tên cho tiện việc đi lại, quản lý xe.

Về nợ chung: Để mua sắm tài sản chung, vợ chồng ông đã mượn của mẹ là bà T2 số tiền là 930.000.000 đồng. Ông yêu cầu chia đôi nợ này. Ông đồng ý trả bà T2 465.000.000 đồng.

** Theo đơn yêu cầu độc lập, các biên bản làm việc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim T2 trình bày:*

Yêu cầu C và Á trả tổng số tiền là 930.000.000 đồng. Số tiền này, vợ chồng C đã mượn của bà khi mua xe i10 Huyndai biển số 67A – 195.15 (mượn 430.000.000 đồng) và mượn để mua thửa đất thuộc LK – 6 Dự án Khu đô thị L giáo viên có diện tích 65m2 (mượn 500.000.000 đồng), yêu cầu C phải trả 465.000.000 đồng và Á phải trả 465.000.000 đồng.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 215/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 244, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 27, Điều 34, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 119, Điều 288, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Á được ly hôn ông Mã Hữu C.

[2] Về con chung: Ông, bà có 01 (một) con chung tên Mã Hoàng Y sinh ngày 28/5/2020. Giao cháu Y cho ông C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông C cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Á trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Á không phải cấp dưỡng nuôi con do ông C không yêu cầu.

(Các đương sự có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có quyền thoả thuận cấp dưỡng, trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.)

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Á về việc yêu cầu chia tài sản là xe ben biển số 68C – 067 và xe ben biển số 64C – 00214 do bà tự nguyện rút.

[4.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Á đối với xe ôtô tải biển số 67C-148.77: không công nhận xe ôtô tải biển số 67C-148.77 (nhãn hiệu Thaco, số loại OLLIN450A-, số máy YZ4105ZLQB410017613, số khung RNHA1000BEC041790, màu sơn xanh theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67010424 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 19/5/2022 mang tên Mã Hữu C) là tài sản chung của bà Á và ông C.

[4.3] Công nhận tài sản chung của bà Á và C gồm:

- Thửa đất số 442, thuộc tờ bản đồ số 73 (diện tích 65m2, loại đất ở đô thị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT26822 ngày 30/5/2023 do Sở T3 cấp cho Công ty CP Đ; được chỉnh lý biến động nội dung chuyển nhượng cho ông Mã Hữu C và bà Nguyễn Thị Thu Á ngày 21/6/2023), có giá trị là 806.715.000 đồng;

- Xe ôtô biển số 67A – 195.15 (nhãn hiệu Huyndai, số loại Grand I10, số máy G4LAMM057547, số khung RLUB351CBNN006811, màu sơn trắng theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67007988 ngày 25/02/2022 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp mang tên Mã Hữu C), có giá trị 357.048.667 đồng;

- Xe gắn máy biển số 67B2 – 592.57 (nhãn hiệu Honda, số loại Supper, số máy JA27E0065874, số khung 2705DY159753, màu sơn đỏ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 145635 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 24/11/2020 mang tên Mã Hữu C), có giá trị 18.537.920 đồng;

- 01 xe gắn máy biển số 67B2 – 419.10 (nhãn hiệu Honda, số loại Vario, số máy KF41E1590674, số khung 4111KK590250, màu sơn trắng đen theo giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 119257 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 11/9/2019 mang tên Nguyễn Thị Thu Á), có giá trị 28.572.880 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 1.210.874.000 (một tỷ hai trăm mười triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng.

[4.3.1] Bà Á được trọn quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 442 (thuộc tờ bản đồ số 73) và sở hữu xe ôtô, xe gắn máy trên. Bà Á có nghĩa vụ thanh toán cho ông C là 605.437.000 (sáu trăm lẻ năm triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

[4.3.2] Ông C có nghĩa vụ giao lại cho bà Á bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 901226, số vào sổ CT26822 ngày 30/5/2023 do Sở T3 cấp cho Công ty CP Đ (được chỉnh lý biến động ngày 21/6/2023 chuyển nhượng cho ông Mã Hữu C và bà Nguyễn Thị Thu Á), bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67007988 ngày 25/02/2022 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp mang tên Mã Hữu C.

[4.3.3] Ông C có nghĩa vụ giao thửa đất số 442 (thuộc tờ bản đồ số 73, diện tích 65m2, loại đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 901226, số vào sổ CT26822 ngày 30/5/2023 do Sở T3 cấp cho Công ty CP Đ (chỉnh lý biến động ngày 21/6/2023 nội dung chuyển nhượng cho ông Mã Hữu C, bà Nguyễn Thị Thu Á) và 01 xe ôtô biển số 67A – 195.15 (nhãn hiệu Huyndai, số loại Grand I10, số máy G4LAMM057547, số khung RLUB351CBNN006811, màu sơn

trắng theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67007988 ngày 25/02/2022 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp mang tên Mã Hữu C).

[4.3.4] Bà Á có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đối với thửa đất số 442, thuộc tờ bản đồ số 73, diện tích 65m2, loại đất ở đô thị (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa DK 901226, số vào sổ CT26822 ngày 30/5/2023 do Sở T3 cấp cho Công ty CP Đ (chỉnh lý biến động ngày 21/6/2023 nội dung chuyển nhượng cho ông Mã Hữu C, bà Nguyễn Thị Thu Á).

[4.3.5] Bà Á có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký thay đổi tên chủ xe đối với xe ôtô biển số 67A – 195.15 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 67007988 ngày 25/02/2022 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp mang tên Mã Hữu C) và xe gắn máy biển số 67B2 – 592.57 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số 145635 do Phòng C1 công an tỉnh A cấp ngày 24/11/2020 mang tên Mã Hữu C).

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhập toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Kim T2 đối với bà Nguyễn Thị Thu Á và ông Mã Hữu C.

- Buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà T2 số tiền là 465.000.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu) đồng;

- Buộc bà Á có nghĩa vụ trả cho bà T2 số tiền là 465.000.000 (bốn trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông C có nghĩa vụ trả lại cho bà Á 11.600.000 (mười một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[7] Về án phí:

[7.1] Tổng số tiền án phí hôn nhân gia đình, án phí dân sự bà Á phải chịu là 59.086.000 (năm mươi chín triệu không trăm tám mươi sáu nghìn) đồng. Do bà Á đã nộp tiền tạm ứng án phí là 15.300.000 (mười lăm triệu ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002228 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên bà Á còn phải nộp số tiền là 43.786.000 (bốn mươi ba triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

[7.2] Ông C phải chịu án phí dân sự là 50.814.000 (năm mươi triệu tám trăm mười bốn nghìn) đồng.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 26/6/2023 nguyên đơn Nguyễn Thị Thu Á có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: yêu cầu được nuôi con chung; đề nghị xác định xe ô tô tải hiệu Thaco biển số 67C-148.77 là tài sản chung và yêu cầu chia đôi giá trị xe này và bà Á đồng ý giao lại xe cho ông C, ông C trả lại 50% giá trị xe cho bà Á; đề nghị xem xét lại nghĩa vụ trả nợ, vì không nợ bà Trần Thị Kim T2 nên bà đồng ý trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người kháng cáo: về quyền nuôi con: nguyên đơn yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng bởi:

cháu Y là con gái nên cần người mẹ chăm sóc; từ tháng 7/2023 bà Á bị đuổi ra khỏi nhà thì bà Á không được thăm con, không được đón con về thăm. Hiệu trưởng trường B1 đã nói và được ghi âm lại là phía ông C không cho bà Á được đón cháu Y. Biên bản hòa giải tại phường M thể hiện ông C không cho bà Á đón con. Ông C hay cáu gắt, la hét, dùng lời lẽ thô tục với cháu Y thể hiện qua các video đã cung cấp cho Tòa. Bà Á có thu nhập ổn định từ tiệm cho thuê và trang điểm đồ cưới khoảng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đồng/tháng. Hành vi của ông C ngăn cản việc bà Á thăm con, chăm sóc con là phạm việc pháp luật. Về tài sản chung: xe ô tô tải hiệu Thaco biển số 67C-148.77 nguyên đơn xác định là tài sản chung và yêu cầu nhận giá trị là 50% giá trị xe theo định giá. Ông C, bà T2 không chứng minh được việc bỏ tiền ra mua xe này, mà xe này đã được ông C, bà Á mua lại của bà T2 và đã sang tên cho bà Á, C. Nguồn tiền mua xe từ việc bà Á bán vàng cưới, tiền thu nhập từ trước khi kết hôn. Về nợ chung: nguyên đơn không có vay mượn gì của bà T2. Bà Á trước khi lấy chồng có công việc và thu nhập ổn định; sau khi cưới thì cũng có thu nhập từ cho thuê xe, tiền vàng cưới, của hồi môn. Bà Á chưa từng nghe ông C nói chuyện vay mượn tiền của bà T2. Việc có giấy nợ này chỉ là ngụy tạo của phía bị đơn sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý. Các giấy nợ không có chữ ký của ông C, bà T2. Từ phân tích nếu trên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Á.

- Ông Huỳnh N tranh luận bổ sung phần tranh luận của Luật sư T1: có 02 vấn đề tố tụng đề nghị HĐXX xem xét: tôi đã được cấp sơ thẩm xác định là người ủy quyền cả về phần nuôi con. Do đó theo tôi cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Ngoài ra Luật sư K vừa bảo vệ cho bị đơn và bảo vệ cho người liên quan là bà T2, nhưng ở đây bà T2 có yêu cầu phía bị đơn trả nợ, là đối lập quyền lợi với nhau. Do đó xác định cho Luật sư K bảo vệ cho 2 đương sự có quyền lợi đối lập là vi phạm tố tụng.

Nguyên đơn đã cung cấp video thể hiện ông C và bà T2 bàn bạc việc ngụy tạo chứng cứ mua xe ô tô tải hiệu Thaco biển số 67C-148.77. Bị đơn cung cấp hợp đồng mua bán xe nhưng không có công chứng chứng thực là không hợp lệ. Về nợ chung mà ông C nêu ra chỉ là thỏa thuận giữa bà T2 với ông C để gây bất lợi cho nguyên đơn. Các giấy ghi nợ hoàn toàn không có chữ ký của ông C và bà Á, mà chỉ là những dòng chữ tự bà T2 ghi nên không có giá trị chứng minh.

- Luật sư K tranh luận: Luật sư K xác định tại phiên tòa phúc thẩm không còn bảo vệ cho bà T2 mà chỉ bảo vệ cho ông C, dó đó không tranh luận những gì liên quan đến bà T2.

Về con chung: phía ông C có cơ sở làm ăn vững chắc, có thu nhập ổn định từ việc kinh doanh xây dựng vật liệu xây dựng nên đề nghị HĐXX giao con cho ông C nuôi dưỡng.

Về xe ô tô tải hiệu Thaco biển số 67C-148.77: bà T2 là người mua và trả tiền từ chủ cũ, có biển số Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bà T2 chuyển tên cho ông C đứng tên để lấy biển số tỉnh An Giang cho dễ kinh doanh. Chứ không có việc mua bán xe nào giữa bà T2 với Á, C. Phía nguyên đơn không chứng minh

được việc mua bán và trả tiền cho bà T2. Nên đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này.

Về nợ chung: Ông C và bà Á mới cưới năm 2019, trong khi bà Á không làm gì thêm để có thu nhập thì tiền đâu mua xe tải, mua xe ô tô I10, mua nền đất tới hơn 900.000.000 đồng. Do đó việc ông C mượn của bà T2 930.000.000 đồng là phù hợp với thực tế khách quan. Hơn nữa bà Á cho rằng bán vàng cưới, tiền riêng đem về nhưng hoàn toàn không xác định cụ thể là bao nhiêu.

Từ lẽ trên đề nghị HĐXX bác toàn bộ kháng cáo của phía nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Á; Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 125/2023/HNGĐ-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên: Buộc ông Mã Hữu C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim T2 930.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được chia là 28.217.000 đồng. Ông Mã Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Kim T2 là 39.900.000 đồng. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không sửa, giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Mã Hữu C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận ông Trần Vũ Thanh T, Nguyễn Sỹ B và Huỳnh N được đại diện cho nguyên đơn đối với phần tranh chấp nuôi con chung và tranh chấp tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 39 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có mặt cho nên vi phạm này không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn.

[2.1]. Việc nuôi con chung: con chung của ông C, bà Á là bé Mã Hoàng Y sinh ngày 28/5/2020. Theo lời trình bày của bà Á, khi bà và ông C còn chung sống thì con chung do cả hai người cùng nuôi dưỡng và sinh sống tại nhà ông C. Sau khi bà Á bị bên chồng đuổi thì bà Á nuôi cháu Y, lúc cháu Y đi học ở trường thì ông C, bà T2 rước cháu Y và giữ cháu cho đến nay, không tạo điều kiện cho bà Á được được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Xét thấy việc nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ. Trong vụ án này, cả hai đều có ý muốn nuôi con là thể hiện nghĩa vụ của cha mẹ, về điều kiện nuôi con thì cả ông C và bà Á đều như nhau; khi bà Á nuôi cháu Y thì ông C đã tự ý bắt cháu về nuôi không thông qua ý kiến của bà Á; bà Á cũng không vi phạm nghĩa vụ nuôi con, ngoài ra cháu Y là con gái rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do đó cấp sơ thẩm giao cháu Y cho ông C nuôi dưỡng là chưa phù hợp, cho nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao cháu Y cho bà Á được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Mã Hữu C không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Á không có yêu cầu.

[2.2]. Tài sản là chiếc xe ôtô biển số 67C – 148.77 bà Á đề nghị coi đây là tài sản chung vợ chồng để chia theo quy định. HĐXX phúc thẩm xét thấy, nguồn gốc xe ôtô biển số 67C – 148.77 trước đây chủ sở hữu cũ là Công ty TNHH H đăng ký theo biển số 51C-558.66, đến ngày 28/3/2019 ông C mua xe này (Hợp đồng mua bán xe ngày 28/3/2019 giữa Công ty TNHH H ký kết với ông Mã Hữu C). Như vậy ông C mua xe này trước thời gian hai người kết hôn, ông C và bà T2 đều trình bày mua bằng tiền của bà T2. Bà Á khai đã mua lại xe này từ bà T2 nhưng không được bà bà T2 và ông C thừa nhận, bà Á không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Á đề nghị xác định xe ôtô biển số 67C – 148.77 lài tài sản chung để chia là có căn cứ.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ cho bà T2: Bà T2 yêu cầu ông C và bà Á cùng trả nợ cho bà số tiền 930.000.000đồng. Theo bà T2 nêu số tiền trên ông C, bà Á sử dụng mua đất, mua xe. Bà Á không thừa nhận vay tiền của bà T2, bà T2 không có chứng cứ chứng minh cho việc vay mượn tiền của bà Á. Cấp sơ thẩm lại dựa vào lời thừa nhận của ông C khai vợ chồng còn nợ bà T2 930.000.000đồng để mua đất, mua xe, từ đó xác định có nợ chung đã không đảm bảo được "*tính khách quan của chứng cứ"* vì bà T2 là mẹ ông C cho nên án sơ thẩm buộc bà Á thanh toán nợ cho bà T2 số tiền 465.000.000 đồng là không có căn cứ.

Việc bà T2 khởi kiện yêu cầu trả nợ 930.000.000 đồng được ông C thừa nhận có vay số tiền này của bà T2 thì ông C phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ 930.000.000 đồng cho bà T2.

Do đó HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Á đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T2.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do ông C phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T2 nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Cấp sơ thẩm buộc bà Á phải chịu án phí 7.669.000đồng đối với việc không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là xe ôtô tải màu xanh biển số 67C- 148.77, trị giá xe 153.374.167 đồng là chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả tiền cho bà T2, án phí sơ thẩm bà Á phải chịu về tài sản chung được chia và án phí sơ thẩm của ông C về nghĩa vụ trả nợ cho bà T2

Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà Á không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Á.

Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 125/2024/HNGĐ-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Á về quyền được nuôi con chung Mã Hoàng Y.

Bà Nguyễn Thị Thu Á được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mã Hoàng Y, sinh ngày 28/5/2020. Buộc ông Mã Hữu C giao cháu Mã Hoàng Y cho bà Nguyễn Thị Thu Á trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Á cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Á về việc xác định ôtô biển số 67C – 148.77 là tài sản chung vợ chồng để chia theo quy định pháp luật.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Á về việc không phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị Kim T2 số tiền 465.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Kim T2.

Buộc ông Mã Hữu C phải thanh toán số tiền 930.000.000đ (chín trăm ba mươi triệu đồng) cho bà Trần Thị Kim T2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim Á1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Á1 được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002421 ngày 02/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

- Sửa án phí sơ thẩm:

Tổng số tiền án phí hôn nhân gia đình, án phí dân sự bà Á1 phải chịu là 28.517.000 đ (hai mươi tám triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng). Do bà Á1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 15.300.000đ (mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002228 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên nên bà Á1 còn phải nộp số tiền là 13.217.000đ (mười ba ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Ông Mã Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán nợ là 39.900.000đồng và án phí đối với phần tài sản được chia là 28.217.000 (hai mươi tám triệu hai trăm mười bảy nghìn) đồng. Án phí sơ thẩm ông C phải chịu là 68.117.000 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm mười bẩy nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Linh

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- TAND thành phố Long Xuyên;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên
- Các đương sự (để thi hành);
- Phòng KTNV&THA; Văn phòng;
- Lưu hồ sơ;